

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/DS-ST

Ngày: 21/5/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đạo.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bùi Thị M**, sinh năm 1953 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Cao Thị T**, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đoàn Văn H, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2023 và những lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bùi Thị M trình bày:

Do quan hệ quen biết từ trước nên trong năm 2022, bà Bùi Thị M có cho bà Cao Thị T vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

Lần vay thứ nhất: Vào ngày 20/3/2022, bà Cao Thị T vay của bà M 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận vài tháng sẽ trả nợ, khi nào bà M đòi sẽ thông báo trước cho bà T, lãi suất là 3%/tháng.

Lần vay thứ hai: Vào ngày 20/11/2022, bà Cao Thị T vay của bà M 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận vài tháng sẽ trả nợ, khi nào bà M đòi sẽ thông báo trước cho bà T, lãi suất là 3%/tháng.

Lần vay thứ ba: Vào ngày 25/11/2022, bà Cao Thị T vay của bà M 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận vài tháng sẽ trả nợ, khi nào bà M đòi sẽ thông báo trước cho bà T, lãi suất là 3%/tháng.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà Cao Thị T vay là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà Cao Thị T đã trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và đóng lãi cho bà M được vài tháng, số tiền đóng lãi bao nhiêu bà M không nhớ. Ngoài ra, bà T đóng hụi chết dùm cho bà M 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng). Số tiền bà Cao Thị T còn thiếu lại bà M là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng), bà T không đóng lãi cũng không trả vốn. Bà M nhiều lần đến nhà bà T để đòi tiền. Tuy nhiên, bà T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà và trốn tránh không gặp bà M.

Việc bà Cao Thị T vay tiền của bà M nhằm mục đích làm ăn và chơi hụi, phát triển kinh tế gia đình, đồng thời ông Đoàn Văn H là chồng hợp pháp của bà T có biết việc bà T vay tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bùi Thị M vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2023, cụ thể bà Bùi Thị M yêu cầu bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vay còn thiếu là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp là giấy vay tiền ngày 20/3; ngày 20/11; ngày 25/11).

* Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn Cao Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì thể hiện quan điểm trong vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023; ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, ông Đoàn Văn H trình bày:

Ông Đoàn Văn H với bà Cao Thị T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc bà T vay tiền của bà M ông H không biết, bà T là người vay thì bà T tự trả, ông H không có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà T.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn Bùi Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn Hg đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Cao Thị T vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Buộc bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới H trả cho bà Bùi Thị M số tiền vay còn thiếu là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Bùi Thị M tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Cao Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do; Ông Đoàn Văn H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông H là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

Bà Cao Thị T vay tiền của bà Bùi Thị M, tuy nhiên bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, bà M khởi kiện. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Cao Thị T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Chợ, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

[3] Về nội dung vụ án.

Vào các ngày 20/3/2022; 20/11/2022; 25/11/2022, bà Cao Thị T có vay của bà

Bùi Thị M 03 lần với tổng cộng số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), đồng thời bà T có ký họ tên vào giấy nợ vay tiền. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Cao Thị T vay tiền và đã thực hiện xong quyền nhận tài sản, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, bà T vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng, không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ việc. Điều đó xem như bà Cao Thị T tự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T tại Tòa. Trong quá trình tố tụng, bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M về việc yêu cầu bà Cao Thị T phải có nghĩa vụ H trả số tiền vay là 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu tính lãi số tiền trên

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đoàn Văn H liên đới trả nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H thừa nhận ông H và bà T là vợ chồng hợp pháp và có đăng ký kết hôn theo luật định, do đó mặc dù ông H không có ký tên vào giấy nợ. Tuy nhiên, lợi nhuận phát sinh từ việc vay tiền và tham gia chơi hụi của bà T nhằm mục đích phục vụ yêu cầu sinh hoạt gia đình. Chính vì vậy, bà Bùi Thị M yêu cầu bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới H trả cho bà M số tiền 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng) là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị M được chấp nhận toàn bộ, do đó bị đơn bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 89.000.000 đồng X 5% = 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều

26, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M đối với bà Cao Thị T, ông Đoàn Văn Hg về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị M số tiền vay còn thiếu 89.000.000 đồng (Tám mươi chín triệu đồng)

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị M về việc không yêu cầu trả tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Cao Thị T và ông Đoàn Văn Hg phải có nghĩa vụ liên đới chịu 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Bùi Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Cao Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- UBND xã TL;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Đăng Phi

